

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/7/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: - Anh NHC, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 113, ngõ 164 VTV, quận TX, Hà Nội (nay là số 113, ngõ 164 VTV, phường TX, tp Hà Nội)

- Chị NTM, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn TÚ, xã VH, huyện ĐA, Hà Nội (nay là thôn TÚ, xã TL, Hà Nội)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh NHC và chị NTM lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 31/07/2024 tại UBND phường KT, quận TX (nay là UBND phường KĐ), TP Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Đến nay anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị M thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có nguyện vọng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn nên công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Anh NHC và chị NTM có 01 con chung là cháu NBQT, sinh ngày 27/12/2022. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu NBQT cho chị NTM là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh NHC có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng/tháng) kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên công nhận.

[3] Về tài sản và nhà đất chung: Anh NHC và chị NTM tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh NHC và chị NTM xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về lệ phí: Anh NHC tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Sự tự nguyện của anh C là phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh NHC và chị NTM cùng thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Anh NHC và chị NTM có 01 con chung là cháu NBQT, sinh ngày 27/12/2022. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu NBQT cho chị NTM là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh NHC có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh C có quyền đi lại, thăm nom con chung không được ai ngăn cản.

[1.3] Về tài sản và nhà ở chung: Anh C, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4] Về nợ chung: Anh C, chị M xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh C tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh C đã nộp theo Biên lai thu số 0002093 ngày 28/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND phường Khương Đình, TP Hà Nội
- VKSND Khu vực 2 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Hiền